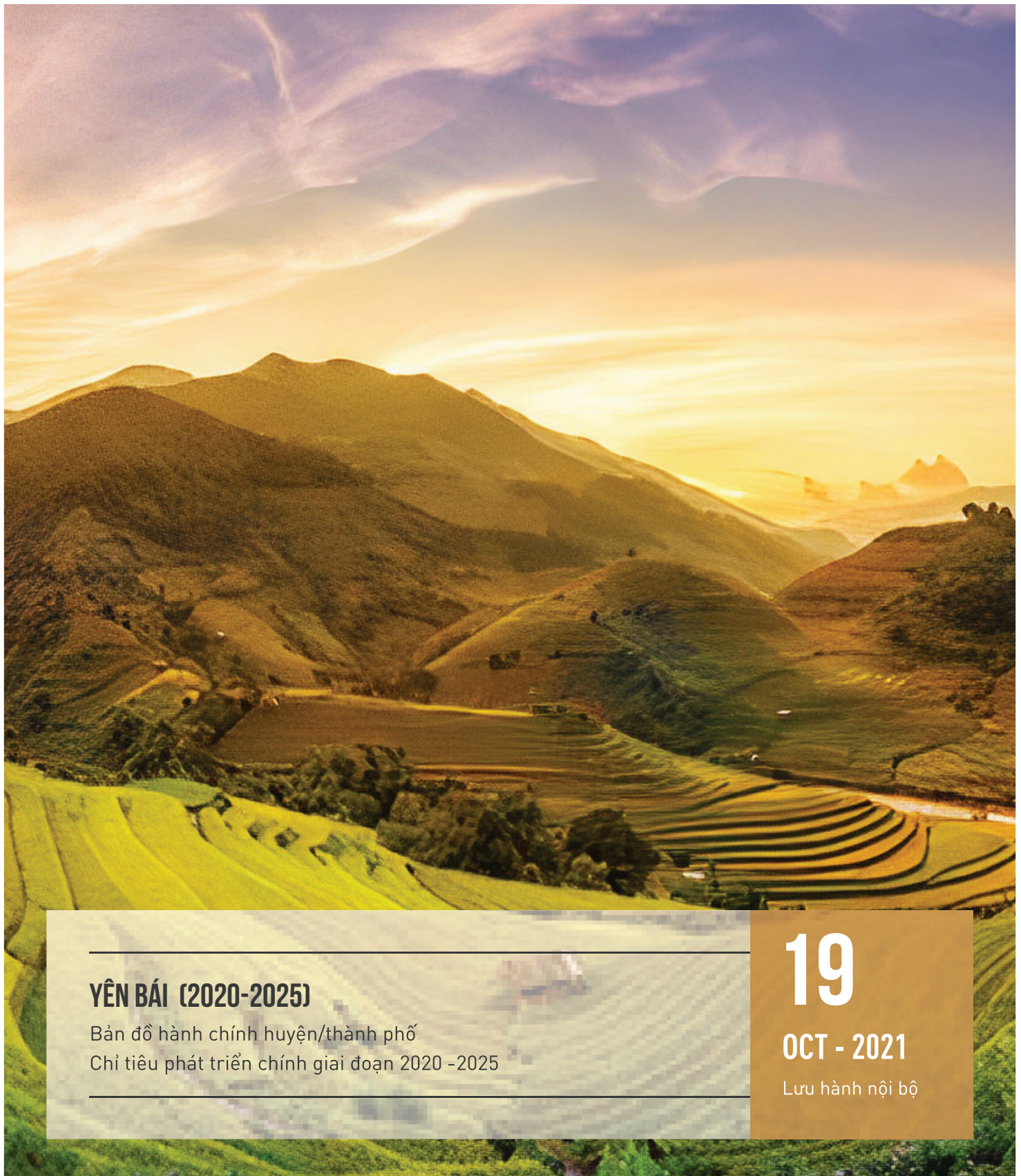


Land&Life

VOL.19 | YÊN BÁI | WWW.PMCWEB.VN

IIRR **pmc** **pmc**
INTEGRATED INFRASTRUCTURE RISK MANAGEMENT KNOWLEDGE



YÊN BÁI (2020-2025)

Bản đồ hành chính huyện/thành phố
Chỉ tiêu phát triển chính giai đoạn 2020 -2025

19

OCT - 2021

Lưu hành nội bộ



Greeting

from Editor!

Trung du và Miền núi phía Bắc là một trong 06 vùng kinh tế - xã hội của Việt Nam. Với vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và đối ngoại, Trung du miền núi phía Bắc luôn được Đảng và Nhà nước dành sự quan tâm, ưu tiên trong chính sách đầu tư và phát triển.

Yên Bái thuộc Tây Bắc và nằm ở trung tâm vùng, nơi tiếp giáp giữa 2 khu vực Đông và Tây Bắc. Sau 30 năm tái lập tỉnh, dù quãng thời gian không dài nhưng đã đánh dấu bước phát triển vượt bậc của Yên Bái, là một trong những "điểm sáng" của các tỉnh Tây Bắc trong thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

Trong bối cảnh đại dịch COVID-19, Yên Bái chịu nhiều ảnh hưởng tiêu cực, trong đó ngành du lịch chịu ảnh hưởng nặng nề. Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX đã ban hành Nghị quyết về thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm nhiệm kỳ 2020-2025 kết hợp với các chính sách ưu đãi, hỗ trợ của Nhà nước về du lịch, kinh doanh dịch vụ để tháo gỡ khó khăn cho nền kinh tế và thúc đẩy tỉnh phát triển trong nhiệm kỳ mới. Quyết tâm đưa Yên Bái trở thành tỉnh khá vào năm 2025 và nằm trong nhóm tỉnh phát triển hàng đầu của Vùng Trung du và miền núi phía Bắc vào năm 2030. Các chỉ tiêu phát triển của tỉnh sẽ được đề cập chi tiết trong nội dung của Vol.19 của Land&Life.

Hy vọng những nghiên cứu nội bộ này sẽ đóng góp một phần làm đầu vào, phục vụ cho Quý độc giả trong lĩnh vực nghiên cứu của mình.

Đội ngũ biên tập rất mong nhận được các ý kiến đóng góp của Quý độc giả.

Trân trọng!





Chịu trách nhiệm nội dung

VNMedia

Tổng biên tập

Nguyễn Tất Hồng Dương

Hội đồng biên tập

Trần Ngọc Sơn

Lê Hoàng

Đặng Thị Hà Vân

Nguyễn Nguyễn Quang Trung

Phạm Hồng Hà

Nguyễn Thị Nam

Thiết kế

Phòng Phát triển cộng đồng

BAN BIÊN TẬP

Mau Tuan

Ho Mau Tuan



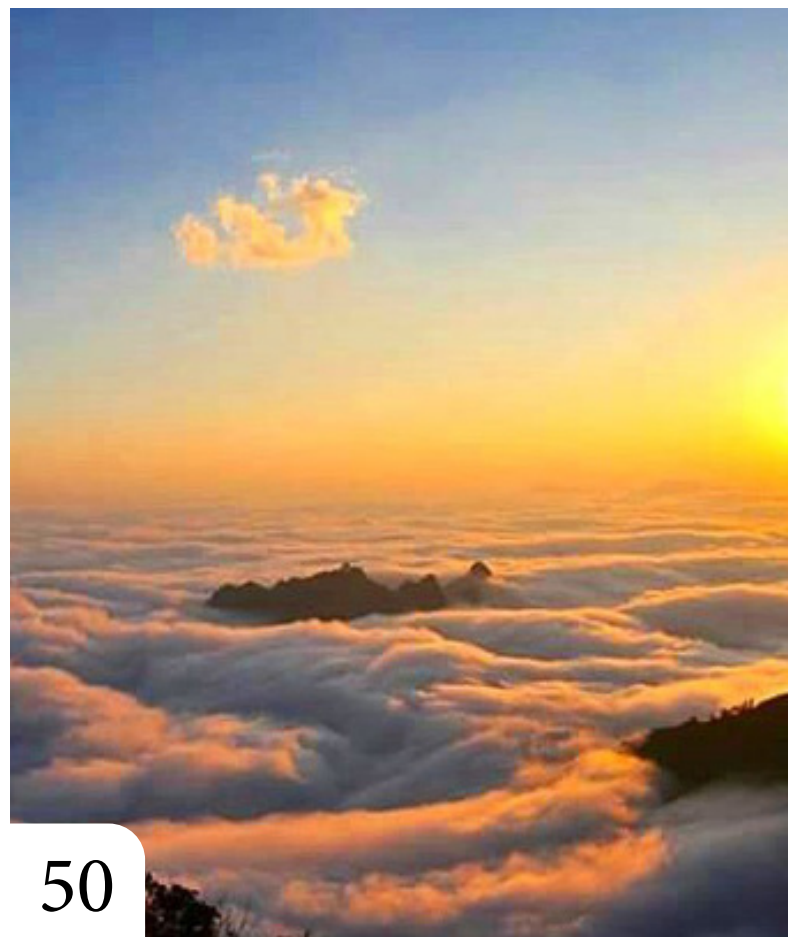
✉ iirr.vn@gmail.com

📍 KT Fl., Sky City Towers

☎ +84 2437767065



36



50



06



50



30



56



22



46



14



06. Tỉnh
YÊN BÁI

14. Thành phố
YÊN BÁI

22. Thị xã
NGHĨA LỘ

24. Huyện
LỤC YÊN

30. Huyện
MÙ CĂNG CHẢI

36. Huyện
TRẦN YÊN

46. Huyện
TRẠM TẤU

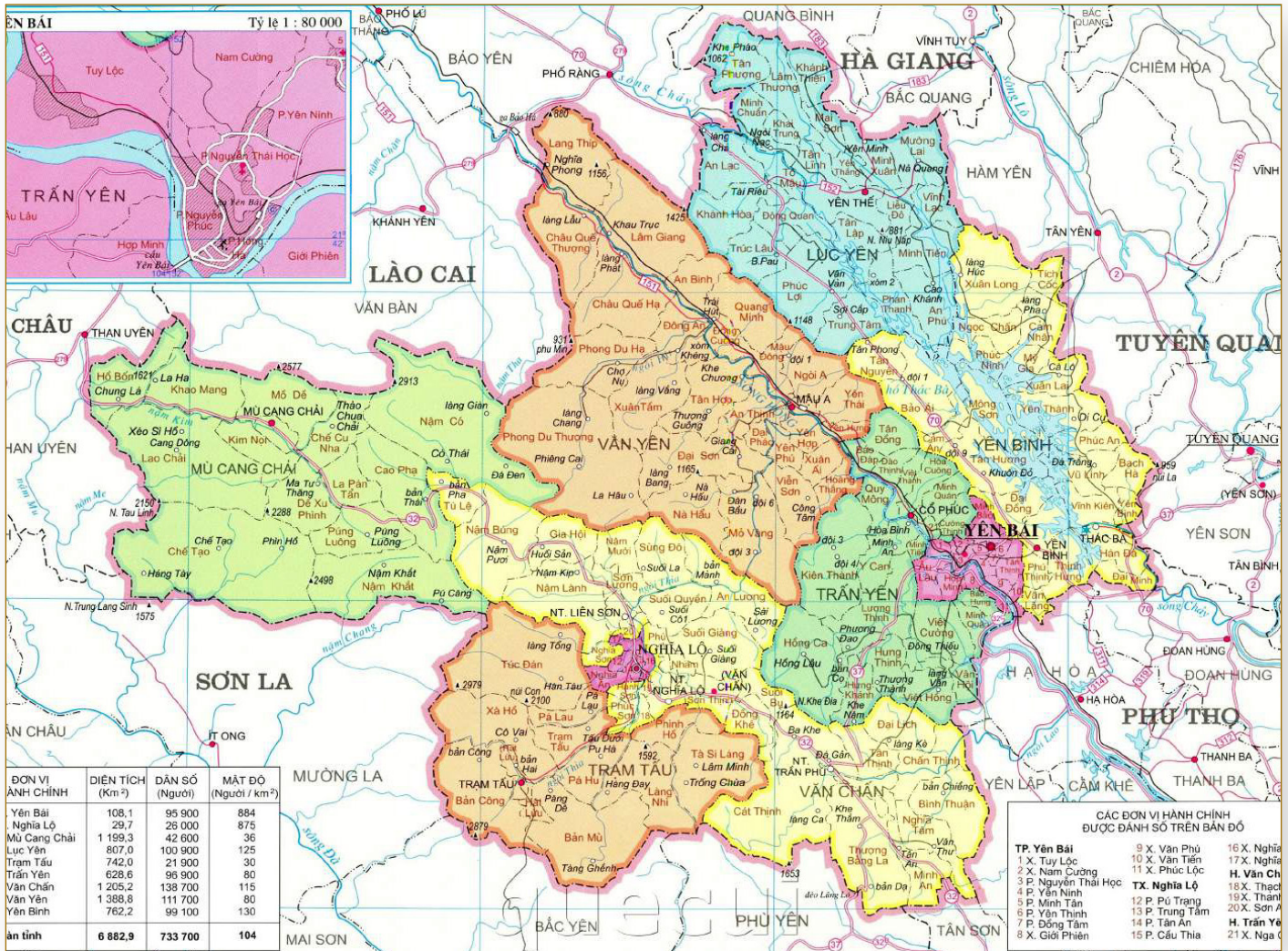
50. Huyện
VĂN CHẤN

56. Huyện
YÊN BÌNH



25

YÊN BÁI



VỊ TRÍ

Huyện Lục Yên nằm ở phía Bắc tỉnh Yên Bái. Vị trí tiếp giáp huyện Lục Yên:

Phía Bắc giáp huyện Bắc Quang và huyện Quang Bình, tỉnh Hà Giang
Phía Tây giáp huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai
Phía Nam giáp huyện Văn Yên và huyện Yên Bình
Phía Đông giáp huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang.

DIỆN TÍCH & DÂN SỐ

Diện tích: 6.887,45 km².

Dân số trung bình: 823.034 người.

Mật độ: 119,5 người/km².



ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

Thành phố Yên Bái có 15 đơn vị hành chính cấp xã, gồm 09 phường (Đồng Tâm, Hồng Hà, Hợp Minh, Minh Tân, Nam Cường, Nguyễn Phúc, Nguyễn Thái Học, Yên Ninh, Yên Thịnh) và 06 xã (Âu Lâu, Giới Phiên, Minh Bảo, Tân Thịnh, Tuy Lộc, Văn Phú).



MỘT SỐ CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN CHÍNH

GIAI ĐOẠN 2020 - 2025
TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030



“Nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của các cấp ủy đảng; xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; phát huy sức mạnh đại đoàn kết các dân tộc, ý chí tự lực, tự cường và khát vọng vươn lên; khai thác tối đa tiềm năng, lợi thế của tỉnh; đẩy mạnh ứng dụng khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo; huy động, sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực cho phát triển nhanh, bền vững theo hướng phát triển xanh, hài hòa, bản sắc và hạnh phúc; phát huy giá trị văn hóa, xây dựng con người Yên Bái “thân thiện, nhân ái, đoàn kết, sáng tạo, hội nhập”; bảo vệ môi trường sinh thái, sử dụng hiệu quả tài nguyên, chủ động ứng phó thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu; tăng cường quốc phòng an ninh, giữ vững ổn định chính trị, bảo đảm trật tự an toàn xã hội, quyết tâm đưa Yên Bái trở thành tỉnh khá vào năm 2025 và nằm trong nhóm tỉnh phát triển hàng đầu của vùng Trung du và miền núi phía Bắc vào năm 2030”



Kinh tế

1. Tốc độ tăng GRDP bình quân giai đoạn 2021- 2025 đạt trên 7,5%; GRDP bình quân đầu người đến năm 2025 đạt trên 65 triệu đồng.
2. Cơ cấu kinh tế: Nông, lâm nghiệp, thủy sản 20,5%; Công nghiệp - xây dựng 32%; Dịch vụ 47,5%.
3. Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn đạt trên 7.000 tỷ đồng.
4. Tổng vốn đầu tư phát triển trên địa bàn đạt 100.000 tỷ đồng.
5. Tỷ lệ đô thị hóa đạt 28%.
6. Tốc độ tăng năng suất lao động xã hội bình quân 6,2%/năm.



Văn hóa - Xã hội

1. Tuổi thọ trung bình người dân đạt 74,5 tuổi; số năm sống khỏe đạt tối thiểu 68 năm.
2. Chỉ số hạnh phúc của người dân tăng 15% so với năm 2020.
3. Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt trên 70%, trong đó tỷ lệ có văn bằng, chứng chỉ đạt 40% trở lên.
4. Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn quốc gia) giảm bình quân trên 4%/năm.
5. Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế đạt trên 96,5%; có 12 bác sỹ, 35 giường bệnh trên một vạn dân.
6. Tỷ lệ hộ gia đình đạt tiêu chuẩn văn hóa là 85%; tỷ lệ thôn, bản, tổ dân phố đạt chuẩn văn hóa là 75%.



7. Trên 78% tổng số xã đạt chuẩn nông thôn mới, trong đó 10% số xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu; công nhận 02 huyện đạt chuẩn nông thôn mới (huyện Văn Yên và huyện Yên Bình), thị xã Nghĩa Lộ hoàn thành xây dựng nông thôn mới.





Môi trường

1. Tỷ lệ dân số đô thị được sử dụng nước sạch đạt trên 91%; tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh đạt 98%.
2. Tỷ lệ thu gom, xử lý chất thải rắn đô thị đạt trên 93%, nông thôn đạt trên 50%.
3. Tỷ lệ cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý đạt 100%.
4. Tỷ lệ che phủ rừng đạt 65%.

Xây dựng Đảng và hệ thống chính trị

1. Số đảng viên kết nạp hằng năm từ 1.800 đảng viên trở lên.
2. Số tổ chức cơ sở đảng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên hằng năm đạt từ 90% trở lên; số cán bộ, đảng viên thực hiện tốt trách nhiệm nêu gương hằng năm đạt từ 50% trở lên, trong đó cán bộ lãnh đạo trong hệ thống chính trị đạt từ 70% trở lên.



Định hướng đến năm 2030

1. Tốc độ tăng tổng sản phẩm trên địa bàn bình quân giai đoạn 2026-2030 đạt trên 8%; tính chung cả giai đoạn 2021-2030 đạt gần 8%.
2. GRDP bình quân đầu người đạt trên 90 triệu đồng.
3. Tốc độ tăng năng suất lao động xã hội bình quân 6,8%/năm.
4. Chỉ số hạnh phúc của người dân tăng 10% so với năm 2025.
5. 88% số xã đạt chuẩn nông thôn mới; 05/07 huyện đạt chuẩn nông thôn mới.
6. Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 80%, trong đó có bằng cấp, chứng chỉ đạt 50%.
7. Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn quốc gia) giảm bình quân trên 4%/năm.
8. Tỷ lệ che phủ rừng đạt 67%.





TP. YÊN BÁI

VỊ TRÍ

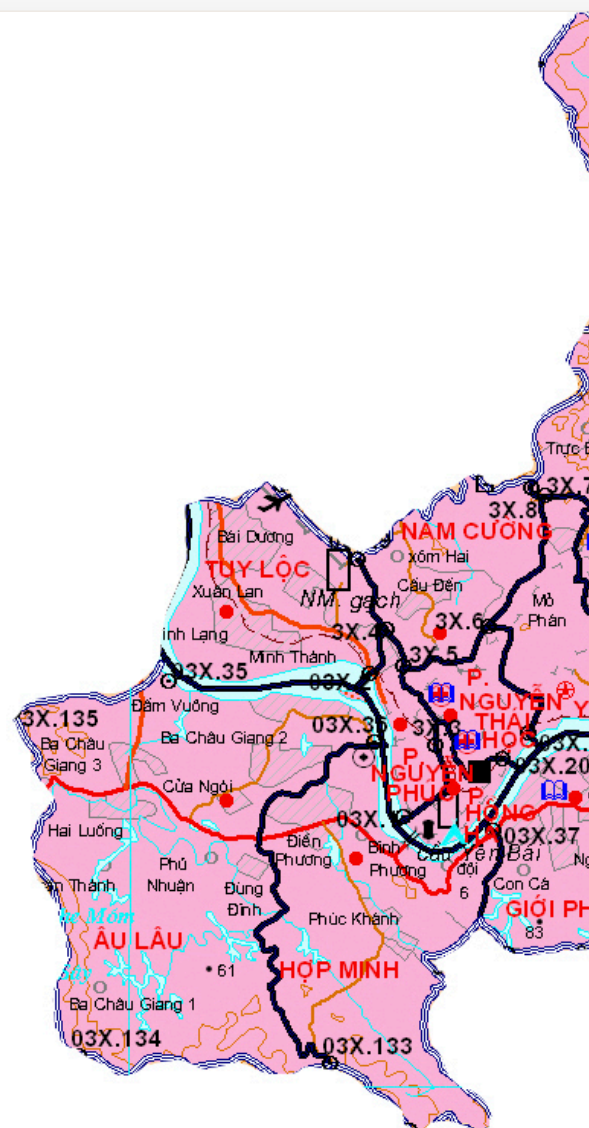
Thành phố Yên Bái nằm ở khu vực phía Đông của tỉnh Yên Bái, có địa giới hành chính:

Phía Bắc giáp xã Cường Thịnh, huyện Trấn Yên.

Phía Đông - Đông Bắc giáp xã Đại Đồng và thị trấn Yên Bình.

Phía Nam giáp xã Văn Lãng, huyện Yên Bình.

Phía Tây giáp xã Lương Thịnh huyện Trấn Yên.





DIỆN TÍCH & DÂN SỐ

Diện tích: 106,78 km².

Dân số trung bình: 104.539 người.

Mật độ: 979 người/km².

ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

Thành phố Yên Bái có 15 đơn vị hành chính cấp xã, gồm 09 phường (Đồng Tâm, Hồng Hà, Hợp Minh, Minh Tân, Nam Cường, Nguyễn Phúc, Nguyễn Thái Học, Yên Ninh, Yên Thịnh) và 06 xã (Âu Lâu, Giới Phiên, Minh Bảo, Tân Thịnh, Tuy Lộc, Văn Phú).

MỘT SỐ CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN CHÍNH

GIAI ĐOẠN 2020 - 2025
TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030



Xã hội

1. Tuổi thọ trung bình của người dân đến năm 2025 đạt 74,5 tuổi; Số năm sống khỏe đạt tối thiểu 69 năm.
2. Chỉ số hạnh phúc của người dân tăng 30% so với năm 2020.
3. Số trường mầm non, phổ thông công lập đạt chuẩn quốc gia 100%. Số trường trọng điểm về chất lượng, trường chất lượng cao 5 trường.
4. Tỷ lệ lao động qua đào tạo đến năm 2025 đạt từ 84% trở lên, trong đó có văn bằng, chứng chỉ đạt từ 66% trở lên.
5. Tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân 0,6%/năm.



Môi trường

1. Tỷ lệ rác thải sinh hoạt ở khu vực nông thôn được thu gom, xử lý bảo đảm môi trường đạt từ 90% trở lên.
2. Tỷ lệ nước thải đô thị được thu gom, xử lý qua hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường từ 30% trở lên.
3. Tỷ lệ sử dụng nước sạch, nước hợp vệ sinh của dân cư nông thôn đạt 100%, trong đó cấp nước sạch, nước hợp vệ sinh đạt từ 50% trở lên.
4. Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh trong khu dân cư gây ô nhiễm môi trường được di dời, hoặc xử lý đạt từ 80% trở lên. Tỷ lệ cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý đạt 100%.



Đô thị

1. Xây dựng thành phố Yên Bái trở thành đô thị loại II; xây dựng xã Giới Phiên, xã Văn Phú, xã Tân Thịnh trở thành phường. Đến năm 2025 tỷ lệ đô thị hóa đạt 80,4% và đạt trên 50 tiêu chí đô thị loại I.
2. Trồng mới 60.000 cây xanh đô thị. Dắt cây xanh công cộng khu vực nội thành đạt từ 8 m²/người trở lên.
3. Số phường đạt chuẩn văn minh đô thị 7 phường. Tỷ lệ tuyến phố văn minh đô thị tính trên tổng số trục phố chính đạt từ 60% trở lên. Tỷ lệ đường khu nhà ở, ngõ xóm được chiếu sáng đạt từ 90% trở lên.
4. Đến năm 2025 hoàn thành Hệ thống quản lý đô thị thông minh thành phố Yên Bái. Triển khai 100% dịch vụ hành chính công trực tuyến mức độ 3, trong đó có ít nhất 75% đạt mức độ 4.

Kinh tế

1. Tổng giá trị sản xuất trên địa bàn (giá so sánh 2010) đạt 23.300 tỷ đồng, tăng bình quân hằng năm 11%. Cơ cấu kinh tế: Thương mại - dịch vụ 52%; Công nghiệp - xây dựng 46%, Nông - Lâm nghiệp - Thủy sản 2%.
2. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng năm 2025 đạt 22.000 tỷ đồng; tốc độ tăng bình quân giai đoạn 2021-2025 đạt 10,3%/năm.
3. Giá trị sản xuất công nghiệp trên địa bàn năm 2025 đạt 8.000 tỷ đồng; tốc độ tăng bình quân giai đoạn 2021-2025 đạt 12,2%/năm.
4. Giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản năm 2025 đạt 700 tỷ đồng. tốc độ tăng bình quân giai đoạn 2021-2025 đạt 5,3%/năm.
5. Tổng vốn đầu tư phát triển trên địa bàn giai đoạn 2021-2025 đạt 35.000 tỷ đồng. Tốc độ tăng bình quân giai đoạn 2021-2025 đạt 14,9%/năm.
6. Thành lập mới 600 doanh nghiệp; 25 hợp tác xã.
7. Tốc độ tăng năng suất lao động xã hội bình quân 8,3%/năm.
8. Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn năm 2025 đạt 1.700 tỷ đồng; tốc độ tăng bình quân giai đoạn 2021-2025 đạt 15%/năm.
9. Thu nhập bình quân đầu người đến năm 2025 đạt 110 triệu đồng.



Một Số Chỉ Tiêu Phát Triển Chính Đến 2025 - Tầm Nhìn Đến 2030

Xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; không ngừng đổi mới, sáng tạo, phát huy tối đa các tiềm năng, lợi thế để đẩy mạnh thu hút đầu tư phát triển kinh tế nhanh, bền vững; tập trung mở rộng không gian đô thị, phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ gắn với xây dựng đô thị thông minh và bảo vệ môi trường; chú trọng nâng cao chất lượng y tế, giáo dục, văn hóa, thể thao, thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội, gắn với xây dựng con người thành phố Yên Bái “Văn minh, thân thiện, đoàn kết, sáng tạo, hội nhập”; bảo đảm vững chắc quốc phòng - an ninh, phấn đấu xây dựng thành phố Yên Bái sớm trở thành đô thị loại II “Xanh, bản sắc và hạnh phúc”, xứng tầm là đầu tàu, động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.



Xây dựng Đảng

1. Số đảng viên kết nạp hằng năm từ 110 đảng viên trở lên.
2. Số tổ chức cơ sở Đảng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên hằng năm đạt từ 90% trở lên; số đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ hằng năm đạt từ 85% trở lên.



NGHĨA LỘ

VỊ TRÍ

Thị xã Nghĩa Lộ nằm ở phía Tây Nam tỉnh Yên Bái. Thị xã bao trùm toàn bộ cánh đồng lớn thứ hai của miền núi Tây Bắc Việt Nam: cánh đồng Mường Lò; có vị trí địa lý: Phía Đông và phía Bắc giáp huyện Văn Chấn, Phía Tây và phía Nam giáp huyện Trạm Tấu.

DIỆN TÍCH & DÂN SỐ

Diện tích: 107,78 km².

Dân số trung bình: 68.206 người.

Mật độ: 632,8 người/km².



ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

Thị xã Nghĩa Lộ có 14 đơn vị hành chính cấp xã, gồm 04 phường: Cầu Thia, Pú Trạng, Tân An, Trung Tâm và 10 xã: Hạnh Sơn, Nghĩa An, Nghĩa Lộ, Nghĩa Lợi, Nghĩa Phúc, Phù Nham, Phúc Sơn, Sơn A, Thạch Lương, Thanh Lương.





Một Số Chỉ Tiêu Phát Triển Chính Đến 2025 - Tầm Nhìn Đến 2030

1. Giá trị sản phẩm thu hoạch trên 1 ha đất 2 vụ lúa đến năm 2025 đạt 155 triệu đồng.
2. Chuyển đổi đất lúa kém hiệu quả sang nuôi trồng các loại cây, con có giá trị kinh tế cao 8ha.
3. Duy trì và nâng cao chất lượng bản văn hóa truyền thống gắn với phát triển du lịch (bản Sà Rèn).
4. Tỷ lệ đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên hàng năm đạt 85%.



“Tăng cường xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; phát huy truyền thống đoàn kết, bản sắc văn hóa tốt đẹp; đẩy mạnh đổi mới, sáng tạo, khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế phát triển nhanh, bền vững; bảo đảm quốc phòng an ninh; xây dựng thị xã văn hóa, du lịch, văn minh; phấn đấu cơ bản đạt đô thị loại III vào năm 2025”

DIỆN TÍCH & DÂN SỐ

Diện tích: 810,01 km².
Dân số trung bình: 108.237 người.
Mật độ: 133,6 người/km².



VỊ TRÍ

Huyện Lục Yên nằm ở phía Bắc tỉnh Yên Bái. Vị trí tiếp giáp huyện Lục Yên:

Phía Bắc giáp huyện Bắc Quang và huyện Quang Bình, tỉnh Hà Giang

Phía Tây giáp huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai

Phía Nam giáp huyện Văn Yên và huyện Yên Bình

Phía Đông giáp huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang.



MỘT SỐ CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN CHÍNH

**GIAI ĐOẠN 2020 - 2025
TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030**

Kinh tế

1. Cơ cấu tổng sản phẩm trên địa bàn: Trong đó: Nông lâm nghiệp, thủy sản: 22,8%; Công nghiệp, xây dựng: 56,2%; Dịch vụ: 21%.
2. Thu nhập bình quân đầu người năm 2025: 65 triệu đồng.
3. Giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản năm 2025 (giá so sánh 2020): 1.830 tỷ đồng.
4. Diện tích rừng trồng mới tập trung hàng năm: 2.000 ha/năm.
5. Giá trị sản xuất công nghiệp năm 2025 (giá so sánh 2020): Trên 4.500 tỷ đồng.
6. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng năm 2025: 3.050 tỷ đồng.
7. Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn năm 2025: Trên 450 tỷ đồng.
8. Tổng vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn giai đoạn 2021 - 2025: 12.200 tỷ đồng.

Môi trường

1. Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh năm 2025: 98%.
2. Tỷ lệ rác thải sinh hoạt được thu gom và xử lý ở khu vực nông thôn năm 2025: 65%.
3. Tỷ lệ các cơ sở khai thác, chế biến đảm bảo môi trường đạt từ 97,5% trở lên.



Xã hội

1. Tỷ lệ trường mầm non và phổ thông đạt chuẩn quốc gia năm 2025: 79,6% (43/54 trường);
2. Tỷ lệ lao động qua đào tạo năm 2025: 73,3%, trong đó tỷ lệ lao động qua đào tạo được cấp bằng, chứng chỉ: 37,3%;
3. Số lao động được tạo việc làm mới bình quân/năm: 2.700 người;
4. Tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân/năm: 5%; (13) Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế năm 2025: 98,5%; (14) Tỷ lệ xã, thị trấn đạt tiêu chí quốc gia về y tế năm 2025: 100%;
5. Tuổi thọ bình quân người dân đạt 74,5 tuổi; số năm sống khỏe đạt tối thiểu 67,5 tuổi; chỉ số hài lòng của người dân đạt trên 90%;
6. Số xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới đến năm 2025: Trên 20 xã.

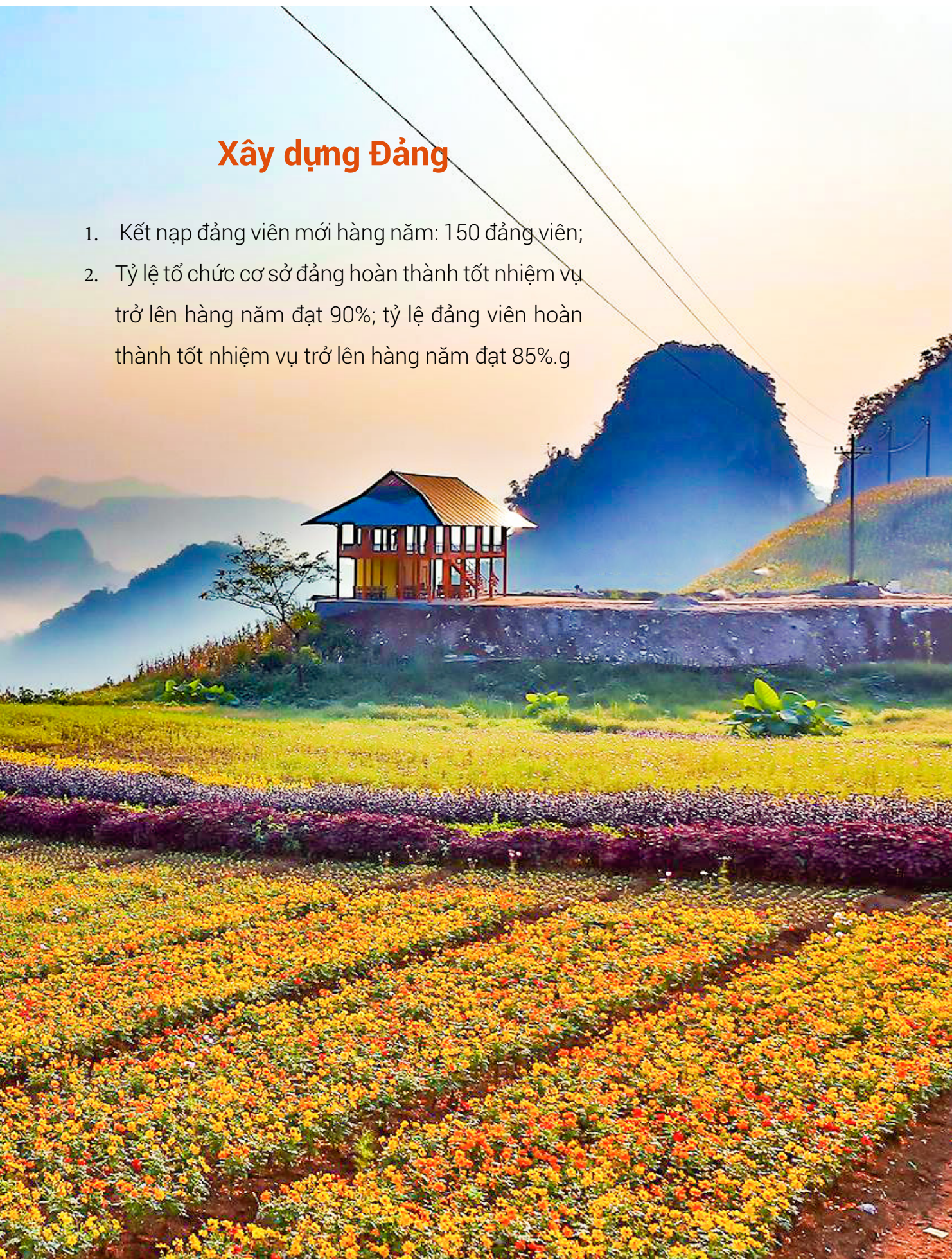




“Tăng cường xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; phát huy truyền thống đoàn kết, khơi dậy ý chí, khát vọng phát triển; đẩy mạnh đổi mới, sáng tạo, phát triển nhanh, bền vững; bảo đảm quốc phòng, an ninh; phấn đấu đến năm 2025, cơ bản trở thành huyện nông thôn mới”

Xây dựng Đảng

1. Kết nạp đảng viên mới hàng năm: 150 đảng viên;
2. Tỷ lệ tổ chức cơ sở đảng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên hàng năm đạt 90%; tỷ lệ đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên hàng năm đạt 85%.g



VĂN YÊN



ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

Huyện Văn Yên có 25 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc, bao gồm thị trấn Mậu A (huyện lỵ) và 24 xã: An Bình, An Thịnh, Châu Quế Hạ, Châu Quế Thượng, Đại Phác, Đại Sơn, Đông An, Đông Công, Lâm Giang, Lang Thíp, Mậu Đông, Mỏ Vàng, Nà Hẩu, Ngòi A, Phong Dụ Hạ, Phong Dụ Thượng, Quang Minh, Tân Hợp, Viễn Sơn, Xuân Ái, Xuân Tầm, Yên Hợp, Yên Phú, Yên Thái.

DIỆN TÍCH & DÂN SỐ

Diện tích: 1.390,34 km²
 Dân số trung bình: 129.059 người.
 Mật độ: 92,8 người/km²



VỊ TRÍ

Huyện Văn Yên nằm ở phía Tây bắc tỉnh Yên Bái, có tọa độ địa lý 104°23'Đ đến 104°23'Đ và từ 21°50'30"B đến 22°12'B, có vị trí địa lý:

Phía Đông giáp huyện Lục Yên và huyện Yên Bình

Phía Tây giáp huyện Văn Chấn

Phía Nam giáp huyện Trấn Yên

Phía Bắc giáp huyện Văn Bàn và huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai.



Kinh tế

1. Cơ cấu tổng sản phẩm trên địa bàn: Trong đó: Nông lâm nghiệp, thủy sản: 22,8%; Công nghiệp, xây dựng: 56,2%; Dịch vụ: 21%.
2. Thu nhập bình quân đầu người năm 2025: 65 triệu đồng.
3. Giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản năm 2025 (giá so sánh 2020): 1.830 tỷ đồng.
4. Diện tích rừng trồng mới tập trung hàng năm: 2.000 ha/năm.
5. Giá trị sản xuất công nghiệp năm 2025 (giá so sánh 2020): Trên 4.500 tỷ đồng.
6. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng năm 2025: 3.050 tỷ đồng.
7. Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn năm 2025: Trên 450 tỷ đồng.
8. Tổng vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn giai đoạn 2021 - 2025: 12.200 tỷ đồng.





Môi trường

1. Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh đạt 98,5%.
2. Tỷ lệ rác thải sinh hoạt được thu gom, xử lý ở khu vực nông thôn đạt 80%.
3. Tỷ lệ che phủ rừng 67,5%.



Xây dựng Đảng và hệ thống chính trị

1. Kết nạp đảng viên hằng năm: 200 đảng viên trở lên.
2. Tỷ lệ TCCSĐ hoàn thành tốt nhiệm vụ hằng năm đạt từ 90% trở lên; tỷ lệ đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ hằng năm đạt từ 85% trở lên.



Một Số Chỉ Tiêu Phát Triển Chính Đến 2025 - Tầm Nhìn Đến 2030

“Tăng cường xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; phát huy truyền thống anh hùng, ý chí, khát vọng phát triển; đẩy mạnh đổi mới, sáng tạo, khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế để phát triển nhanh, bền vững; bảo đảm quốc phòng, an ninh; phấn đấu đến năm 2025 huyện Văn Yên đạt chuẩn nông thôn mới”

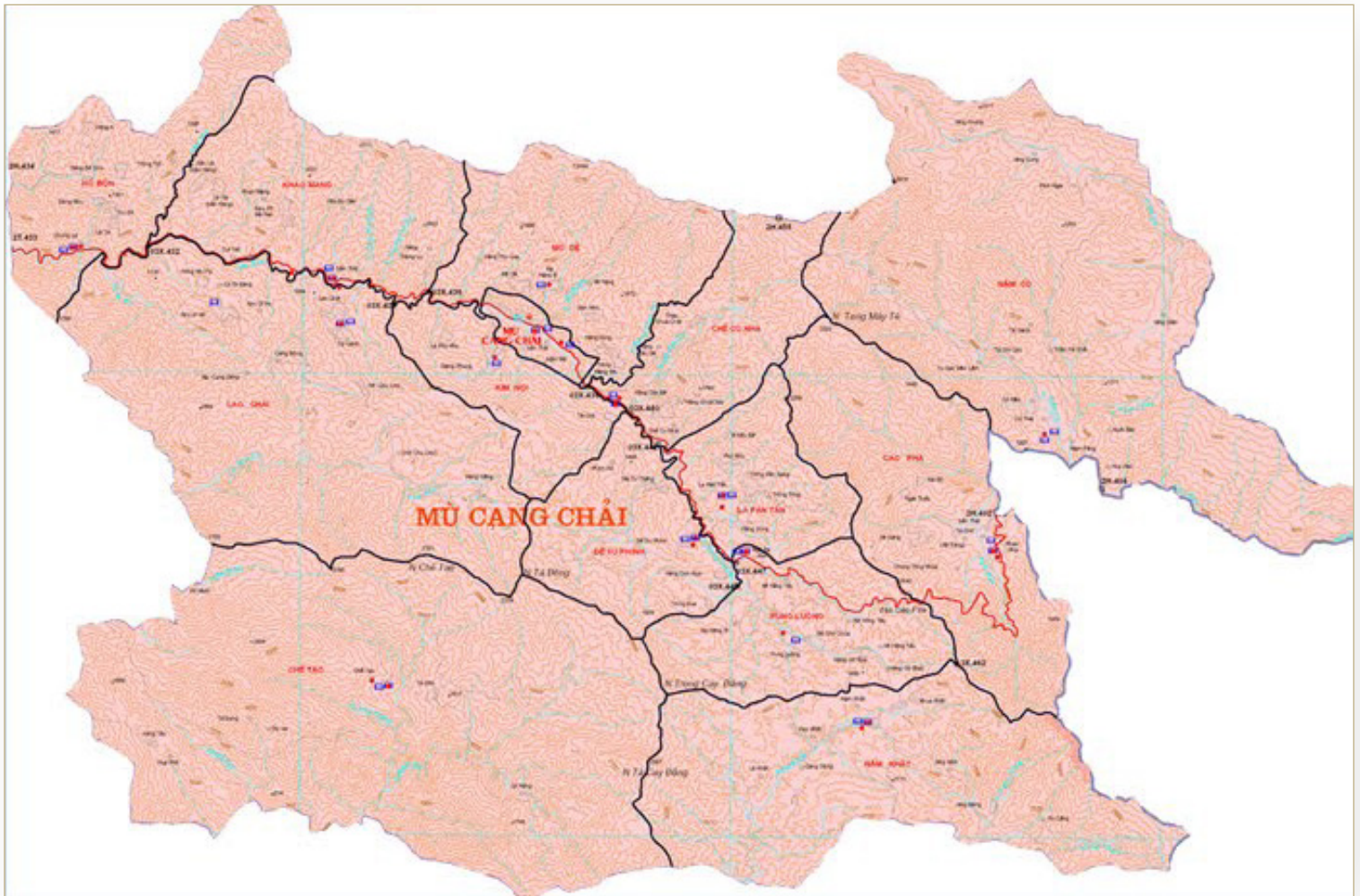


Xã hội

1. 12. Tỷ lệ trường mầm non và phổ thông đạt chuẩn quốc gia đạt 85% trở lên. Có ít nhất 2 trường THPT đạt chuẩn quốc gia.
2. 13. Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 75%, trong đó tỷ lệ lao động qua đào tạo có văn bằng, chứng chỉ đạt trên 40%
3. 14. Số lao động được tạo việc làm mới hằng năm: 2.700 lao động.
4. 15. Tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân 4,6%/năm (theo chuẩn nghèo của từng thời kỳ).
5. 16. Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế đạt 96,5%.
6. 17. Tuổi thọ trung bình người dân đạt 74 tuổi, trong đó số năm sống khỏe đạt tối thiểu 68 năm.



MÙ CĂNG CHẢI



ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

Huyện Mù Cang Chải có 14 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc, bao gồm 01 thị trấn Mù Cang Chải và 13 xã: Cao Phạ, Chế Cu Nha, Chế Tạo, Dế Xu Phình, Hồ Bốn, Khao Mang, Kim Nội, La Pán Tẩn, Lao Chải, Mồ Dề, Nậm Có, Nậm Khắt, Púng Luông.

DIỆN TÍCH & DÂN SỐ

Diện tích: 1.197,88 km²
Dân số trung bình: 63.598 người.
Mật độ: 53,1 người/km²



VỊ TRÍ

Huyện Mù Cang Chải nằm ở phía Tây tỉnh Yên Bái, có vị trí địa lý:

Phía Bắc giáp huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai

Phía Nam giáp huyện Mường La, tỉnh Sơn La

Phía Tây giáp huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu

Phía Đông giáp huyện Văn Chấn.



Một Số Chỉ Tiêu Phát Triển Chính Đến 2025 - Tầm Nhìn Đến 2030

Tăng cường xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; phát huy truyền thống đoàn kết, khơi dậy tinh thần khởi nghiệp, sáng tạo, ý chí tự cường và khát vọng vươn lên thoát nghèo; khai thác tiềm năng, lợi thế, huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực để phát triển “xanh, hài hòa, bản sắc và hạnh phúc”; tăng cường củng cố quốc phòng, đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; chủ động phòng, tránh, khắc phục hậu quả thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường sinh thái; quyết tâm xây dựng Mù Cang Chải trở thành huyện du lịch - là điểm đến “Bản sắc, An toàn, Thân thiện”; phấn đấu đến năm 2025 cơ bản không còn là huyện nghèo, đến năm 2030 không còn là huyện nghèo.



1. Phần đầu đạt tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ đạt 600 tỷ đồng.
2. Tổng vốn đầu tư trong 5 năm tới đạt 6.000 tỷ đồng.
3. Phần đầu mỗi năm thu hút 200.000 lượt khách du lịch.
4. Có 12 trường đạt chuẩn quốc gia.
5. Mỗi năm giảm bình quân 7% hộ nghèo theo chuẩn nông thôn mới.
6. Thu ngân sách Nhà nước đạt trên 230 tỷ đồng;
7. 80% hộ dân cư nông thôn có nhà tiêu hợp vệ sinh;
8. 98% dân số được sử dụng nước sạch; 80% rác thải sinh hoạt được thu gom, xử lý;
9. 100% xã đạt tiêu chuẩn quốc gia về y tế;



10. 2 xã được công nhận đạt chuẩn quốc gia về nông thôn mới, các xã còn lại mỗi xã phải có ít nhất 2 bản đạt nông thôn mới;
11. Tỷ lệ lao động qua đào tạo ít nhất 47%; giải quyết việc làm cho trên 1.200 lao động/năm;
12. Mỗi năm kết nạp ít nhất 110 đảng viên; 80% tổ chức cơ sở đảng hoàn thành tốt nhiệm vụ



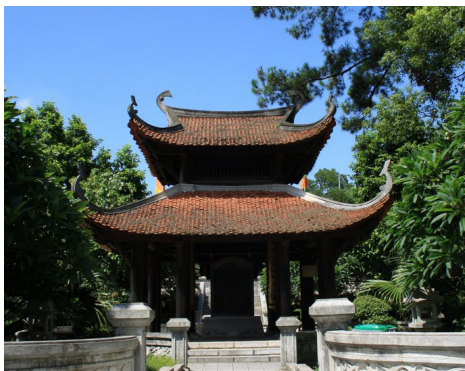
13. Thu nhập bình quân đầu người đạt 40 triệu đồng, tăng gấp 2 lần so với năm 2020;
14. Duy trì ổn định tỷ lệ che phủ rừng đạt tới 67,7% trở lên...



TRẦN YÊN

ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

Huyện Trần Yên có 21 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc, bao gồm thị trấn Cổ Phúc (huyện lỵ) và 20 xã: Báo Đáp, Báo Hưng, Cường Thịnh, Đào Thịnh, Hòa Công, Hồng Ca, Hưng Khánh, Hưng Thịnh, Kiên Thành, Lương Quán, Minh Quân, Nga Quán, Quy Mông, Tân Đồng, Vân Hội, Việt Cường, Việt Hồng, Việt Thành, Y Can.





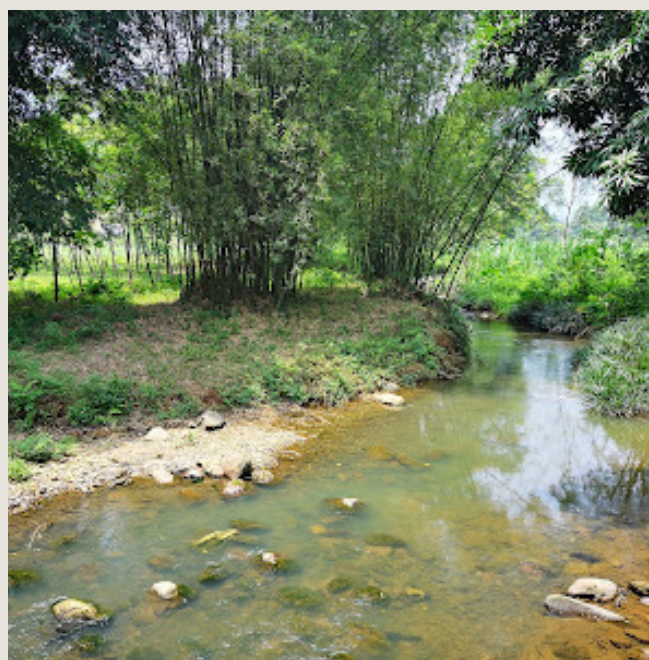
DIỆN TÍCH & DÂN SỐ

Diện tích: 629,14 km²
 Dân số trung bình: 85.075 người.
 Mật độ: 135,2 người/km²



VỊ TRÍ

Huyện Trấn Yên nằm ở phía Đông Nam tỉnh Yên Bái, có vị trí địa lý:
 Phía Bắc giáp huyện Văn Yên
 Phía Nam và phía tây giáp huyện Văn Chấn
 Phía Đông Nam giáp huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ
 Phía Đông giáp huyện Yên Bình và thành phố Yên Bái.

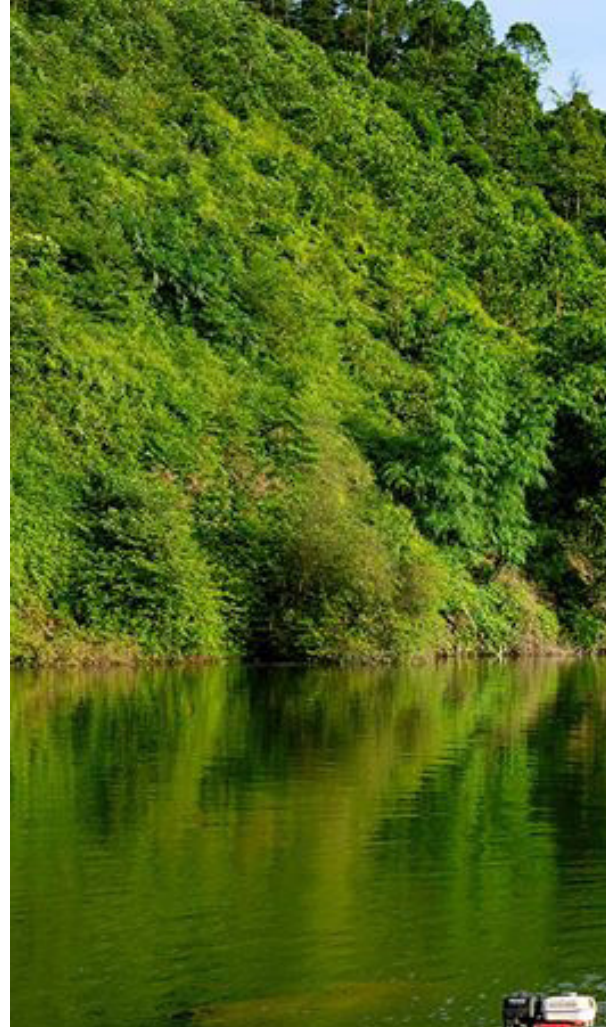




MỘT SỐ CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN CHÍNH

**GIAI ĐOẠN 2020 - 2025
TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030**

Huy động các nguồn lực khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế để phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững; đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ tiên tiến vào các ngành sản xuất để nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm hàng hóa và sức cạnh tranh trên thị trường, tiếp tục đầu tư xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, có tính kết nối cao để đảm bảo điều kiện cho yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội; nâng cao đời sống vật chất tinh thần cho Nhân dân, thực hiện công bằng xã hội; phát triển kinh tế gắn với bảo vệ môi trường; củng cố vững chắc quốc phòng an ninh, giữ vững ổn định chính trị, đảm bảo trật tự an toàn xã hội; phấn đấu xây dựng huyện Trấn Yên phát triển toàn diện gắn với mục tiêu trở thành huyện nông thôn mới kiểu mẫu.





Xã hội

1. Duy trì 48 trường mầm non và phổ thông đạt chuẩn quốc gia; xây dựng 16 trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2; xây dựng 3 trường trọng điểm về chất lượng.
2. Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 71%, trong đó: Tỷ lệ lao động được cấp văn bằng, chứng chỉ đạt 42%.
3. Số lao động nông nghiệp chuyển dịch sang phi nông nghiệp trong giai đoạn 2021-2025 đạt 6.000 lao động.
4. Số lao động được tạo việc làm mới hàng năm 2.000 lao động.
5. Tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân 2%/năm (theo chuẩn nghèo của giai đoạn 2021-2025).
6. Tỷ lệ hộ gia đình đạt tiêu chuẩn văn hóa đạt 95%; tỷ lệ thôn, bản, tổ dân phố đạt tiêu chuẩn văn hóa đạt 95%.
7. Duy trì và nâng cao 100% số xã, thị trấn đạt tiêu chí quốc gia về y tế xã.
8. Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế đạt 97%.



Kinh tế

1. Cơ cấu kinh tế trên địa bàn đến năm 2025: Nông, lâm nghiệp, thủy sản 22,9%; Công nghiệp xây dựng 43,1%; Dịch vụ 34%.
2. Thu nhập bình quân đầu người đạt 65 triệu đồng/người/năm.
3. Giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản (theo giá so sánh năm 2010) đạt 1.600 tỷ đồng.
4. Tổng đàn gia súc chính đạt 110.000 con.
5. Diện tích rừng trồng thay thế hàng năm đạt 2.700 ha.
6. Xây dựng vùng gỗ nguyên liệu được cấp chứng nhận quản lý rừng bền vững (FSC-FM) đạt 12.000 ha.
7. Duy trì 100% số xã đạt chuẩn nông thôn thôn mới; 16 xã đạt tiêu chí nông thôn mới nâng cao; 6 xã đạt tiêu chí nông thôn mới kiểu mẫu; 90 thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu.
8. Giá trị sản xuất công nghiệp (theo giá so sánh năm 2010) đạt 2.000 tỷ đồng (tăng bình quân 17,1%/năm).





Kinh tế (tiếp)

9. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thị dịch vụ tiêu dùng đạt 2.000 tỷ đồng.
10. Giá trị xuất khẩu hàng hóa đạt 100 triệu USD.
11. Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn đạt 350 tỷ đồng (tăng bình quân 16,2%/năm).
12. Tổng vốn đầu tư phát triển giai đoạn 2021-2025 đạt đến 11.750 tỷ đồng.
13. Tỷ lệ đô thị hóa đạt 20,7%.

Môi trường

1. Tỷ lệ dân đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung đạt 50%.
2. Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh đạt 99%.
3. Tỷ lệ rác thải sinh hoạt được thu gom, xử lý ở khu vực nông thôn đạt 40%.
4. Tỷ lệ che phủ rừng đạt 70%.





VỊ TRÍ

Huyện Trạm Tấu nằm ở phía Tây Nam tỉnh Yên Bái, có vị trí địa lý:

Phía Đông giáp huyện Văn Chấn và thị xã Nghĩa Lộ

Phía Tây giáp huyện Mường La, tỉnh Sơn La

Phía Nam giáp huyện Bắc Yên và huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La

Phía Bắc giáp huyện Văn Chấn và huyện Mù Cang Chải.

DIỆN TÍCH & DÂN SỐ

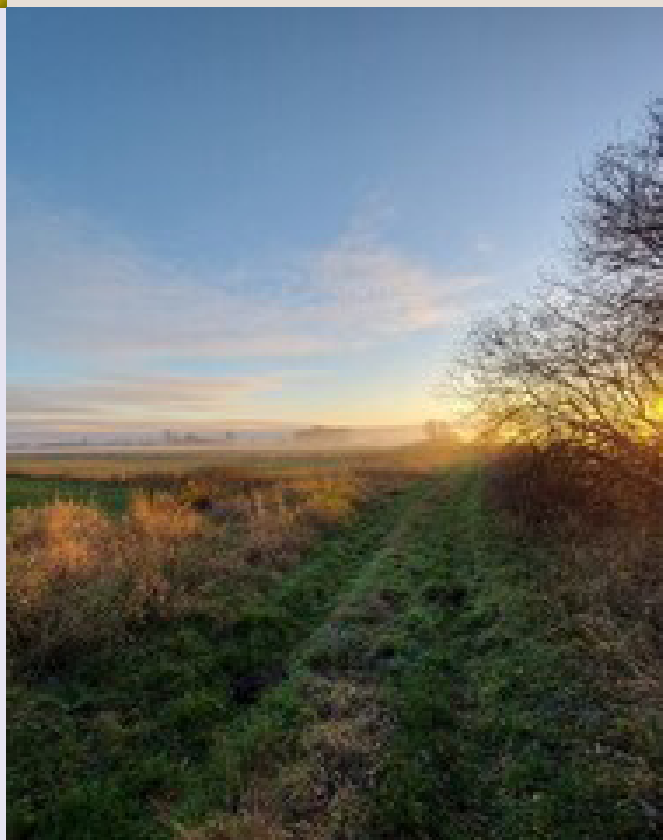
Diện tích: 743,39 km²

Dân số trung bình: 33.862 người.

Mật độ: 45,6 người/km²

ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

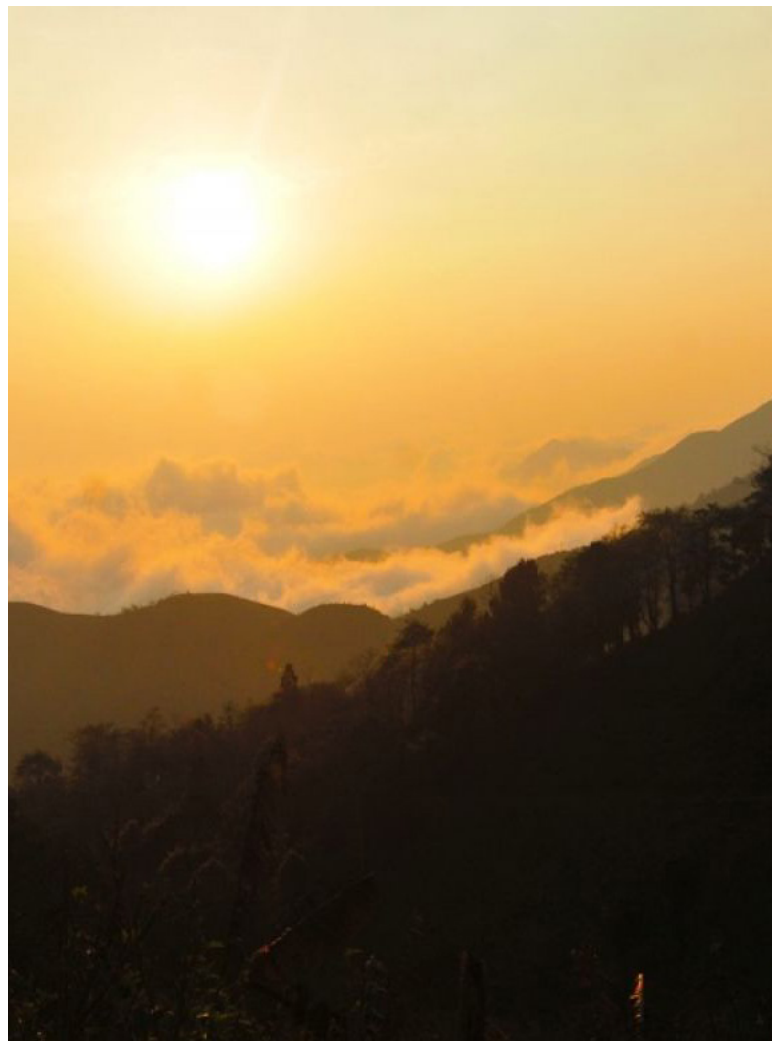
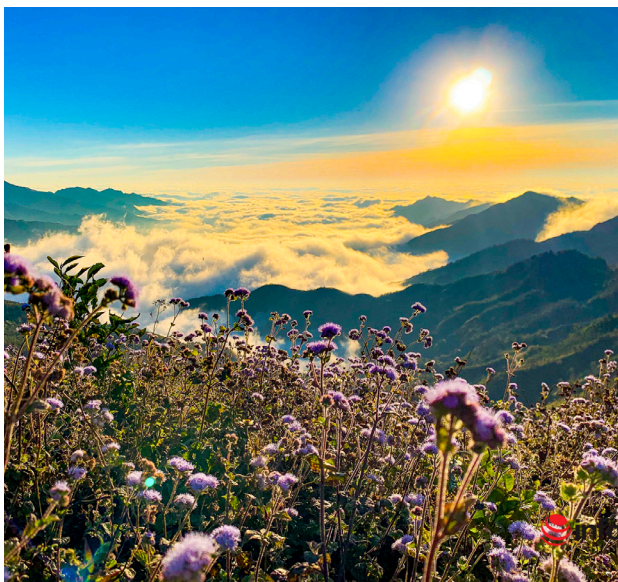
Huyện Trạm Tấu có 12 đơn vị hành chính cấp xã, bao gồm thị trấn Trạm Tấu (huyện lỵ) và 11 xã: Bản Công, Bản Mù, Hát Lừu, Làng Nhì, Pá Hu, Pá Lau, Phình Hồ, Tà Si Láng, Trạm Tấu, Túc Đán, Xà Hồ.





Môi trường

1. Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cung cấp nước tập trung đạt 100%
2. Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh đạt 100%
3. Tỷ lệ che phủ rừng 62%.





MỘT SỐ CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN CHÍNH

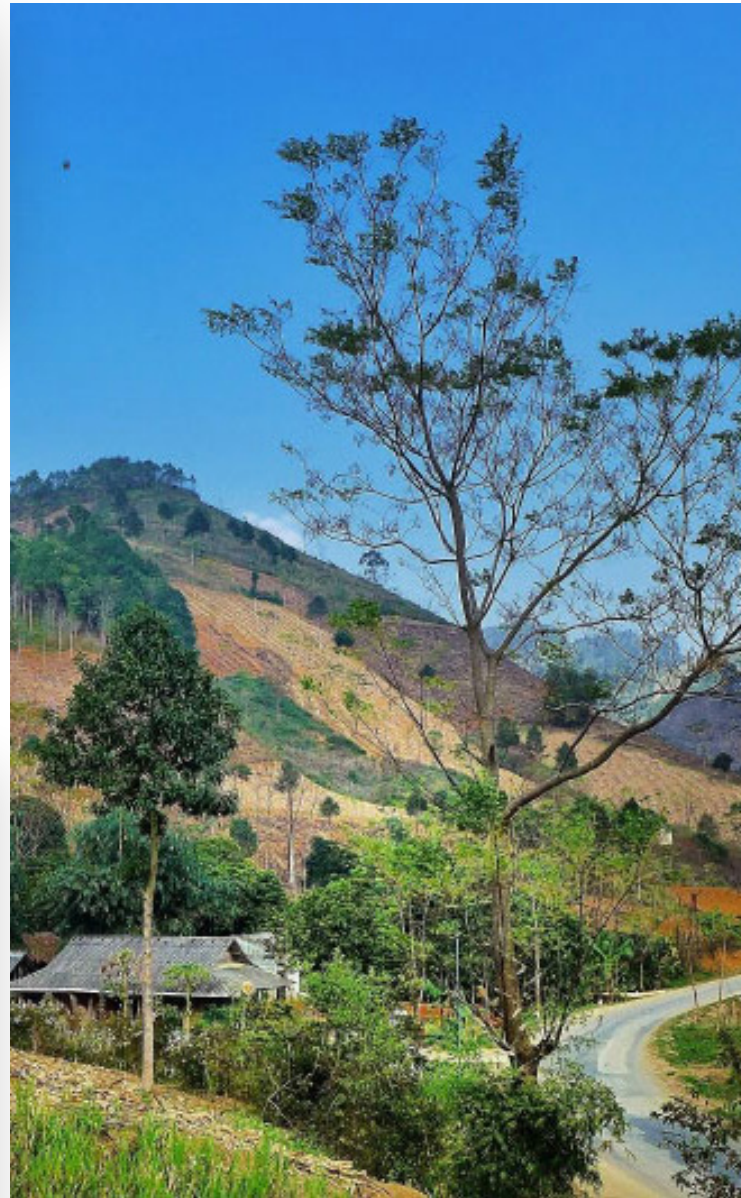
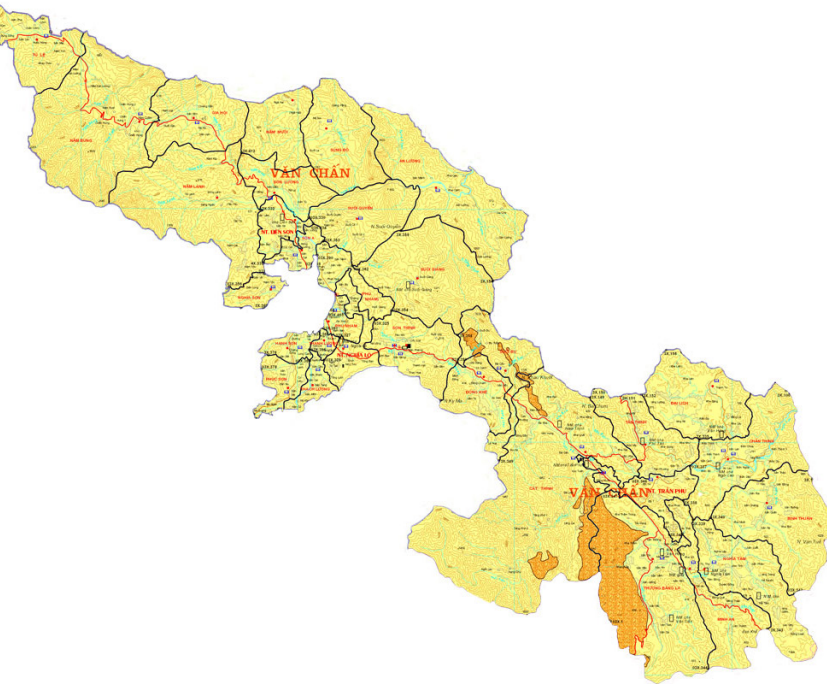
**GIAI ĐOẠN 2020 - 2025
TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030**



Kinh tế

1. Cơ cấu tổng sản phẩm trên địa bàn: nông, lâm nghiệp, thủy sản: 33,7%; công nghiệp, xây dựng: 44,7%; dịch vụ: 21,6%
2. Thu nhập bình quân đầu người đạt trên 30 triệu đồng.
3. Tổng giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản: 375 tỷ đồng;
4. Tổng đàn gia súc chính: 62.000 con
5. Số xã được công nhận đạt tiêu chí nông thôn mới: 02 xã (duy trì xã Hát Lừu và xây dựng mới xã Trạm Tấu)
6. Giá trị sản xuất công nghiệp: 500 tỷ đồng
7. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng: 400 tỷ đồng.
8. Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn: 120 tỷ đồng.
9. Tổng vốn đầu tư phát triển 750 tỷ đồng (lũy kế cả giai đoạn 3.500 tỷ đồng)

VĂN CHẤN



ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

Huyện Văn Chấn có 24 đơn vị hành chính cấp xã, gồm 21 xã: An Lương, Bình Thuận, Cát Thịnh, Chấn Thịnh, Đại Lịch, Đồng Khê, Gia Hội, Minh An, Nậm Búng, Nậm Lành, Nậm Mười, Nghĩa Sơn, Nghĩa Tâm, Sơn Lương, Sùng Đô, Suối Bu, Suối Giàng, Suối Quyền, Tân Thịnh, Thượng Bằng La, Tú Lệ và 03 thị trấn: Nông trường Liên Sơn, Nông trường Trần Phú, Sơn Thịnh.



DIỆN TÍCH & DÂN SỐ

Diện tích: 1.129,90 km²
 Dân số trung bình: 116.804 người.
 Mật độ: 103,4 người/km²



VỊ TRÍ

Huyện Văn Chấn nằm ở phía nam tỉnh Yên Bái, có vị trí địa lý:
 Phía Bắc giáp huyện Văn Yên
 Phía Tây giáp thị xã Nghĩa Lộ và các huyện Mù Cang Chải, Trạm Tấu
 Phía Đông giáp các huyện Yên Lập, Tân Sơn, tỉnh Phú Thọ và huyện Trấn Yên
 Phía Nam giáp huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La.



MỘT SỐ CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN CHÍNH

GIAI ĐOẠN 2020 - 2025
TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030



Văn hóa - Xã hội

1. Tỷ lệ trường mầm non và phổ thông đạt chuẩn quốc gia đạt 67,6%.

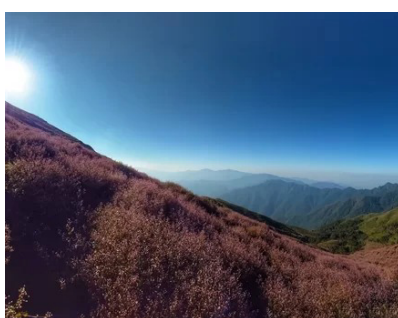


2. Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 70% trở lên, trong đó được cấp bằng, chứng chỉ đạt 35% trở lên.
3. Số lao động được tạo việc làm mới hàng năm từ 2.700 lao động trở lên.
4. Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn quốc gia) giảm bình quân trên 5%/năm.
5. Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế đạt 97% trở lên.
6. Tuổi thọ trung bình người dân đạt 74 tuổi, số năm sống khỏe đạt tối thiểu 67 năm.
7. Có 21 xã, thị trấn đạt tiêu chí quốc gia về y tế.
8. Tỷ lệ hộ gia đình đạt tiêu chuẩn văn hóa đạt 82%; tỷ lệ thôn, bản, tổ dân phố đạt chuẩn văn hóa đạt 81%.



Kinh tế

1. Cơ cấu kinh tế: Nông, lâm nghiệp, thủy sản 23,6%; công nghiệp - xây dựng 44%; thương mại - dịch vụ 32,4%.
2. Thu nhập bình quân đầu người đạt 41 triệu đồng trở lên.
3. Giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp thủy sản (theo giá so sánh 2010) đạt 1.500 tỷ đồng.



4. Giá trị sản xuất công nghiệp (theo giá so sánh 2010) đạt 2.000 tỷ đồng.
5. Diện tích rừng trồng hàng năm đạt 3.000 ha trở lên, trong đó rừng trồng tập trung đạt 760 ha trở lên; phát triển rừng cây gỗ lớn đạt 500 ha trở lên.
6. Tổng đàn gia súc chính đạt 140.000 con.
7. Có thêm 10 xã đạt tiêu chí nông thôn mới; 04 xã đạt tiêu chí nông thôn mới nâng cao; 03 xã đạt tiêu chí nông thôn mới kiểu mẫu.
8. Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn đạt từ 350 tỷ đồng trở lên.
9. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng đạt từ 2.000 tỷ đồng trở lên.
10. Tổng vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn giai đoạn 2021 - 2025 đạt từ 11.000 tỷ đồng trở lên.
11. Tỷ lệ đô thị hóa đạt lên đến 25,6%.
12. Thành lập mới 100 doanh nghiệp, 40 hợp tác xã và 500 tổ hợp tác.
13. Kiên cố hóa đường giao thông nông thôn giai đoạn 2021 - 2025 đạt từ 300 km trở lên.



Môi trường

1. Tỷ lệ dân số đô thị được sử dụng nước sạch đạt 75%.
2. Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh đạt 97%.
3. Tỷ lệ rác thải sinh hoạt được thu gom và xử lý ở khu vực nông thôn đạt 55% trở lên; ở khu vực đô thị đạt 70% trở lên.
4. Tỷ lệ che phủ rừng đạt 59,2%.





Xây dựng Đảng và hệ thống chính trị

1. Kết nạp trong nhiệm kỳ 1.150 đảng viên, bình quân 230 đảng viên/năm trở lên.
2. Số tổ chức cơ sở Đảng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên hằng năm đạt trên 90%; số đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ hằng năm đạt từ 85% trở lên.
3. Vận động, thu hút 85% số quần chúng tham gia vào các tổ chức chính trị - xã hội.



YÊN BÌNH

ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

Huyện Yên Bình có 24 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc, bao gồm 2 thị trấn: Yên Bình (huyện lỵ), Thác Bà và 22 xã: Bạch Hà, Bảo Ái, Cẩm Ân, Cẩm Nhân, Đại Đồng, Đại Minh, Hán Đà, Mông Sơn, Mỹ Gia, Ngọc Chấn, Phú Thịnh, Phúc An, Phúc Ninh, Tân Hương, Tân Nguyên, Thịnh Hưng, Vĩnh Kiên, Vũ Linh, Xuân Lai, Xuân Long, Yên Bình, Yên Thành



DIỆN TÍCH & DÂN SỐ

Diện tích: 772,13 km²
 Dân số trung bình: 112.146 người.
 Mật độ: 14,2 người/km²



VỊ TRÍ

Huyện Yên Bình nằm ở cửa ngõ phía Đông tỉnh Yên Bái, có vị trí địa lý:
 Phía Đông giáp huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang và huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ

Phía Tây giáp thành phố Yên Bái và huyện Trấn Yên, Văn Yên

Phía Nam giáp huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ

Phía Bắc giáp huyện Lục Yên và huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang



MỘT SỐ CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN CHÍNH

**GIAI ĐOẠN 2020 - 2025
TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030**

Kinh tế

1. Huyện đạt chuẩn nông thôn mới, trong đó 07 xã được công nhận đạt tiêu chí nông thôn mới nâng cao, 03 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu.
2. Cơ cấu kinh tế: Nông, lâm nghiệp thủy sản chiếm 15%; công nghiệp xây dựng chiếm 57%; Dịch vụ chiếm 28%.
3. Thu nhập bình quân đầu người đạt 60 triệu đồng trở lên.



4. Giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản (theo giá so sánh 2020) đạt 5.700 tỷ đồng.
5. Tổng đàn gia súc chính đạt 145.000 con.
6. Sản lượng khai thác, nuôi trồng thủy sản đạt 20.000 tấn.
7. Diện tích rừng trồng mới tập trung hằng năm đạt 3.000 ha.
8. Giá trị sản xuất công nghiệp (giá so sánh năm 2020) đạt 11.758 tỷ đồng
9. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng đạt 7.500 tỷ đồng.
10. Giá trị xuất khẩu hàng hóa đạt 150 triệu đô la.
11. Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn đạt 500 tỷ đồng.
12. Tổng vốn đầu tư phát triển thực hiện trên địa bàn giai đoạn 2021-2025: 27.000 tỷ đồng
13. Số doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác thành lập mới giai đoạn 2021-2025: 75 doanh nghiệp; 50 hợp tác xã; 250 tổ hợp tác

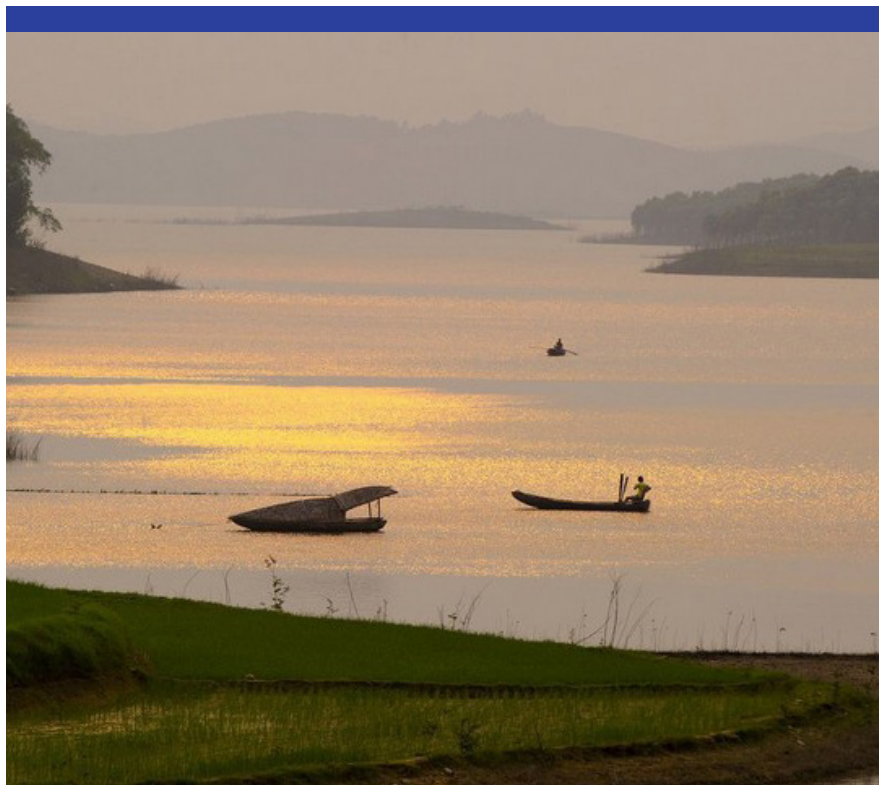


Xã hội

1. Lượt khách du lịch đến năm 2025 đạt 350.000 lượt người, doanh thu 300 tỷ đồng.
2. Tỷ lệ trường mầm non và phổ thông đạt chuẩn quốc gia đạt 98,2%.
3. Tỷ lệ lao động qua đào tạo đến 2025 đạt 72%, trong đó tỷ lệ lao động qua đào tạo có văn bằng, chứng chỉ đạt 55%.
4. Số lao động tạo việc làm mới hằng năm đạt 3.500 lao động.
5. Tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân 4,0%/ năm (theo chuẩn nghèo của từng thời kỳ).
6. Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế đạt tới 97%.
7. Tỷ lệ xã, thị trấn đạt tiêu chí quốc gia về y tế đạt 100%.



8. Tuổi thọ trung bình của người dân đạt 74 tuổi.
9. Tỷ lệ hộ gia đình đạt tiêu chuẩn văn hóa đạt 88%; Tỷ lệ thôn, tổ dân phố đạt tiêu chuẩn văn hóa đạt 83,1%.



Môi trường

1. Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 98%.
2. Tỷ lệ rác thải sinh hoạt được thu gom, xử lý ở khu vực nông thôn đạt 80%.

Xây dựng Đảng & hệ thống chính trị

1. Kết nạp đảng viên mới hằng năm đạt 150 đảng viên trở lên.
2. Tỷ lệ tổ chức cơ sở đảng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên hằng năm đạt từ 90% trở lên; Tỷ lệ đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ hằng năm đạt từ 85% trở lên.



Danh Sách Các Cổng Thông Tin Điện Tử Quận, Huyện Tỉnh Yên Bái

TÊN CƠ QUAN	ĐỊA CHỈ	LIÊN HỆ
Thành phố Yên Bái	Tổ 2, Phường Yên Ninh, TP Yên Bái, Tỉnh Yên Bái	Điện thoại: 0216. 3852.387 Email: banbientap.tp@yenbai.gov.vn
Thị xã Nghĩa Lộ	Tổ 1, Phường Tân An, Thị xã Nghĩa Lộ	Điện thoại: 0293.870.454 Email: banbientap.nghialo@yenbai.gov.vn
Huyện Yên Bình	Tổ 7, Thị trấn Yên Bình, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên B	Điện thoại: 02163.885.142 Email: Banbientap.yb@yenbai.gov.vn
Huyện Trấn Yên	Tổ dân phố số 6, thị trấn Cổ Phúc, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái	Email: bientaptranyen@yenbai.gov.vn
Huyện Văn Yên	Thị trấn Mậu A - huyện Văn Yên - Tỉnh Yên Bái	Điện thoại: 0216.3836.883
Huyện Lục Yên	Tổ 4, Thị trấn Yên Thế, Huyện Lục Yên, Tỉnh Yên Bái	Điện thoại: 02163.845.212 Email: banbientap.ly@yenbai.gov.vn
Huyện Văn Chấn	Thị trấn Sơn Thịnh, Huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái	Điện thoại: 021163.874.047 Email: ubnd.vanchan@yenbai.gov.vn
Huyện Trạm Tấu	Khu 3, Thị trấn Trạm Tấu, huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái	Điện thoại: 0216.3876.163 Email: http://tramtau.yenbai.gov.vn
Huyện Mù Cang Chải	Tổ 03, thị trấn Mù Cang Chải, huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái	Điện thoại: 02163.878.288 Email: ubnd.mcc@yenbai.gov.vn
Văn phòng UBND tỉnh	phường Đồng Tâm, TP Yên Bái, tỉnh Yên Bái	Điện thoại: 0216. 3892.859 Email: banbientapcong@yenbai.gov.vn
Sở Nội vụ	Tổ 22, phường Đồng Tâm - Thành phố Yên Bái -	Điện thoại: 02163.852.415 Email: SONOIVU@YENBAI.GOV.VN
Sở Công Thương	Số 107A, Đường Hoà Bình, Phường Nguyễn Thái Học, Thành phố Yên Bái	Điện thoại: 02163.866.677 Email: xttmyenbai@gmail.com

Danh Sách Các Cơ Quan Ban Ngành Tỉnh Yên Bái

TÊN CƠ QUAN	ĐỊA CHỈ	LIÊN HỆ
Sở Giáo dục và Đào tạo	Số 1141 Yên Ninh, P.Đồng Tâm, Thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái	Điện thoại: 02163852485 Email: congttdt_sgddt@yenbai.edu.vn
Sở Khoa học và Công nghệ	Số 729 - Đường Yên Ninh - Thành phố Yên Bái - tỉnh Yên Bái	Điện thoại: 02163.852461 Email: banbientap.sokhcn@yenbai.gov.vn
Công an tỉnh	Phường Yên Ninh - Thành phố Yên Bái - Tỉnh Yên Bái	Email: conganyenbai@yenbai.gov.vn
BQL dự án Đầu tư và XD	Số 260A, đường Trần Phú, phường Yên Thịnh, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái	Điện thoại: 0216.3859.268 Email: banqlda.yenbai@gmail.com
Cục Thuế tỉnh	Cục Thuế tỉnh Yên Bái Tổ 48 Phường Đồng Tâm Thành phố Yên Bái Tỉnh Yên Bái	Điện thoại:0216.3852561
Ngân hàng Nhà nước tỉnh	Tổ 40, phường Đồng Tâm, thành phố Yên Bái	Điện thoại: 0216.852254 Email:yenbai@sbv.gov.vn
Sở Thông tin và TT	Tổ 4 phường Đồng Tâm	Điện thoại: 0216.3858959 Email:banbientap.sotttt@yenbai.gov.vn
Sở Tài chính	phường Đồng Tâm, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái	Email: STCYENBAI@MOF.GOV.VN
Sở Giao thông vận tải	165 - đường Lý Thường Kiệt - phường Yên Ninh - thành phố Yên Bái	Điện thoại: 02163.867 487 Email: sogiaothong@yenbai.gov.vn
Sở Y tế	Số 656 - đường Yên Ninh, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái	Điện thoại: 0216.3852479 Email: soyte@yenbai.gov.vn
Sở Tài nguyên và Môi trường	Đường Nguyễn Văn Cừ - Phường Đồng Tâm - TP. Yên Bái - Tỉnh Yên Bái	Điện thoại: (0216) 3852.851
Thanh tra tỉnh	Đường Yên Ninh - Phường Minh Tân - Thành phố Yên Bái	Điện thoại: 02163.858060 Email: http://thanhtra.yenbai.gov.vn

Danh Sách Các Cơ Quan Ban Ngành Tỉnh Yên Bái

TÊN CƠ QUAN	ĐỊA CHỈ	LIÊN HỆ
BQL các Khu công nghiệp	Phường Minh Tân, TP Yên Bái, Tỉnh Yên Bái	Điện thoại: 0216. 3859.266 Email: Banquanlykhucn@yenbai.gov.vn
Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh	Phường Đồng Tâm, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái	Điện thoại: 02163 852 282 Email: banbientapvksyb@gmail.com
Sở Kế hoạch và Đầu tư	Số 1183 - đường Yên Ninh - Phường Đồng Tâm - TP. Yên Bái - tỉnh Yên Bái	Điện thoại: 0216.3852.409 Email: sokehoachdautu@yenbai.gov.vn
Sở Nông nghiệp và PTNT	phường Minh Tân, Tp Yên Bái, tỉnh Yên Bái	Điện thoại:0216.3851.416 Email: http://sonongnghiep.yenbai.gov.vn
Sở Xây dựng	Đường Trần Quốc Toản - Phường Đồng Tâm - Thành phố Yên Bái - Tỉnh Yên Bái	Điện thoại: 0216 (3) 852 141 Email: soxaydung@yenbai.gov.vn
Sở Văn hóa TT và Du lịch	Số 587, đường Yên Ninh, phường Yên Ninh, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái	Điện thoại: 02163.862.246 Email: http://sovhttdl.yenbai.gov.vn
Sở Tư pháp	phường Đồng Tâm, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái	Email: sotuphap@yenbai.gov.vn
Ban Dân tộc	Đường Yên Ninh - Phường Minh Tân - Thành phố Yên Bái	Điện thoại: 0216.3852 214 Email: Bandantoc@yenbai.gov.vn
Cục Thống kê tỉnh	Số 1028 đường Điện Biên, P. Đồng Tâm, TP. Yên Bái, tỉnh Yên Bái	Điện thoại: 0216.3852528 Email: http://cucthongke.yenbai.gov.vn
Sở Lao động TB và Xã hội	Số 159, Đường Đinh Tiên Hoàng, phường Đồng Tâm, TP Yên Bái, Tỉnh Yên Bái	Điện thoại: 0216.3852 375 Email: solaodongtbxh@yenbai.gov.vn
LH các tổ chức hữu nghị	Đường Trần Quốc Toản - Phường Đồng Tâm - Thành phố Yên Bái - Tỉnh Yên Bái	Email: http://lienhieptchn.yenbai.gov.vn
Hội Khuyến học tỉnh Yên Bái	Đường Yên Ninh - Phường Đồng Tâm - Thành phố Yên Bái	Điện thoại: 02163.855.902 Email: khuyenhoc@yenbai.edu.vn

Danh Sách Các Đơn Vị Đoàn Thể Tỉnh Yên Bái

TÊN CƠ QUAN	ĐỊA CHỈ	LIÊN HỆ
Hội Liên hiệp phụ nữ	Đường Trần Huy Liệu, tổ 2, phường Đồng Tâm, thành phố Yên Bái	Điện thoại: 0216.3852.432 Email: tuyengiaopnyb@gmail.com
Hội Văn học nghệ thuật tỉnh	Tổ 2 - phường Đồng Tâm - tp Yên Bái - tỉnh Yên Bái	Điện thoại: 02163.852.376 Email: tapchivanngheyenbai@yahoo.com.vn
Hội cựu chiến binh tỉnh	Phường Đồng Tâm, Thành phố Yên Bái, Yên Bái	Điện thoại: 293852196 Email: http://hoicuuchienbinh.yenbai.gov.vn
Liên đoàn Lao động	Phường Yên Thịnh - Thành phố Yên Bái - Tỉnh Yên Bái	Điện thoại: 0216 (3) 852 469 Email: liendoanlaodongtinh@yenbai.gov.vn
Tỉnh đoàn Yên Bái	Đường Lý Tự Trọng - Phường Đồng Tâm - Thành phố Yên Bái - Tỉnh Yên Bái	Số điện thoại: 0216 (3) 852 396 Email: tinhdoanyenbai@yenbai.gov.vn
Hội Nông dân tỉnh Yên Bái	Thôn Thanh Hùng, xã Tân Thịnh, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái	Điện thoại: 0216.3852.397 Email: hoinongdanyenbai@gmail.com
Liên minh hợp tác xã tỉnh Yên Bái	Thôn Thanh Hùng, xã Tân Thịnh - TP Yên Bái - tỉnh Yên Bái	Điện thoại: 0216 853 032
Bảo hiểm xã hội	Tổ 2 - Phường Yên Thịnh - TP Yên Bái - Tỉnh Yên Bái	Số điện thoại: 02163.852.516 Email: bhxh@yenbai.vss.gov.vn
Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh	Tổ 2, phường Đồng Tâm, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái	Điện thoại: 02163.852.337 Email: mattranyenbai@gmail.com
Đài khí tượng thủy văn	Số 197-Đường Nguyễn Phúc-TP.Yên Bái-Tỉnh Yên Bái	Điện thoại: 0216.3862421 Email: - Website:http://kttv.yenbai.gov.vn

Reference Material

Đại hội Đảng bộ các cấp của Tỉnh Yên Bái nhiệm kì 2020 - 2025

Tỉnh Yên Bái

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Yên Bái
lần thứ XIX nhiệm kỳ 2020 - 2025

<https://bitly.com.vn/euv3l1>

Thành phố Yên Bái

Đại hội đại biểu Đảng bộ thành phố Yên Bái
lần thứ XX nhiệm kỳ 2020 - 2025

<https://bitly.com.vn/x6n5s2>

Thị xã Nghĩa Lộ

Đại hội đại biểu Đảng bộ Thị xã Nghĩa Lộ
lần thứ XIV nhiệm kỳ 2020 - 2025

<https://bitly.com.vn/ro1lfp>

Huyện Lục Yên

Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Lục Yên
lần thứ XXII nhiệm kỳ 2020 - 2025

<https://bitly.com.vn/gtitw6>

Huyện Văn Yên

Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Văn Yên lần thứ XVI,
nhiệm kỳ 2020-2025

<https://bitly.com.vn/6i08kd>

Huyện Mù Cang Chải

Đảng bộ huyện Mù Cang Chải lần thứ XIX
nhiệm kỳ 2020 - 2025

<https://bitly.com.vn/6e2yy4>

Huyện Trấn Yên

Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội huyện Trấn Yên giai
đoạn 5 năm 2021 - 2025

<https://bitly.com.vn/eq46rl>

Huyện Trạm Tấu

Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Trạm Tấu
nhiệm kỳ 2020 - 2025 lần thứ XVI

<https://bitly.com.vn/st2c41>

Huyện Văn Chấn

Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Văn Chấn
lần thứ XXI nhiệm kỳ 2020 - 2025

<https://bitly.com.vn/9qtxyn>

Huyện Yên Bình

Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Yên Bình lần thứ
XXIII, nhiệm kỳ 2020 - 2025

<https://bitly.com.vn/c3rg37>



Diện tích, dân số và mật độ dân số tỉnh Yên Bái

Năm 2019 (Trích Niên giám thống kê Yên Bái 2019)

ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH	Diện tích (km ²)	Dân số trung bình	Mật độ dân số (Người/km ²)
Tổng số	6887.45	823034	119.497637
Thành phố Yên Bái	106.78	104539	979.0129238
Thị xã Nghĩa Lộ ^(*)	30.31	31686	1045.397559
Huyện Lục Yên	810.01	108237	133.6242762
Huyện Văn Yên	1390.34	129059	92.82549592
Huyện Mù Cang Chải	1197.88	63598	53.09212943
Huyện Trấn Yên	629.14	85075	135.2242744
Huyện Trạm Tấu	743.39	33862	45.55078761
Huyện Văn Chấn ^(*)	1207.37	154832	128.2390651
Huyện Yên Bình	772.13	112146	145.2423815

Số liệu có đến 01/02/2020 theo Nghị quyết số 871/NQ-UBTVQH14 ngày 10 tháng 01 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội



IIRR

